

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP ĐỢT XUẤT LẦN THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (đợt 2);

Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu đầu tư (điều chỉnh): Nhằm đảm bảo ổn định sinh hoạt của 17.000 người dân trong thị trấn Tràm Chim và dân cư khu vực lân cận tránh khỏi các tác động ảnh hưởng tiêu cực của lũ lụt từ sông Mê Kông và nước biển dâng do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

2. Quy mô đầu tư (điều chỉnh):

- Tuyến đê bao:

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật đê bao				Ghi chú
		Chiều dài tuyến (m)	Bề rộng mặt đê (m)	Cao trình đỉnh đê bao (m)	Hệ số mái đê	
I	Khu I					Các tuyến đê bao đắp đất đồng chất đảm nện chặt đảm bảo yêu cầu thiết kế
1	Đê bao Đ.I-3	1.629	14	+5,00	2	
2	Đê bao Đ.I-4	560	5	+5,00	2	
II	Khu II					
1	Đê bao Đ.II-2' (bổ sung)	1.225	14	+5,00	2	
2	Đê bao Đ.II-3	2.896	14	+5,00	2	

- Kè bảo vệ bờ kết hợp đê bao:

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật kè kết hợp đê bao bảo vệ bờ					Ghi chú
		Chiều dài tuyến (m)	Bề rộng mặt đê (m)	Cao trình đỉnh (m)	Cao trình chân kè (m)	Hệ số mái kè	
I	Khu I						Mái kè lát cầu kiện bê tông nằm trong khung dầm BTCT từ chân kè +0,00 lên tới đỉnh kè thiết kế
1	Kè kết hợp đê bao bảo vệ bờ kênh Đường Gạo 1 (K.ĐG1)	772,2	5	+4,50	+0,00	2	
II	Khu II						
1	Kè kết hợp đê bao bảo vệ bờ kênh Đường Gạo (K.ĐG2)	872	5	+4,50	+0,00	2	

- Trạm bơm gồm: Trạm bơm khu I và trạm bơm khu II:

Stt	Thông số	ĐVT	Khu I	Khu II
I	Trạm bơm		Khu I-TB1	Khu II-TB2
	- Diện tích tiêu	ha	168,3	305,5
	- Lưu lượng tiêu thiết kế	m ³ /s	2,03	5,02
1	- Các hạng mục gồm: Kênh dẫn vào bể hút, bể hút, buồng hút, nhà trạm + thiết bị (máy bơm, palăng xích, bình CO2); bể xả, kênh dẫn xả, cống xả trạm bơm			Thiết bị máy bơm 06 tổ máy, lưu lượng 2.400m ³ /h
2	Nhà quản lý	m ²	64,5	81
3	Cống xả tiêu trạm bơm			
	- Chiều dài cống	m	21,4	16,95
	- Khẩu độ cống nxBxH	m	1 cửa x (1,5x2)	2 cửa x (1,5 x 2)
	-Thiết bị vít nâng	Bộ	01	02
II	Cống tiêu tự chảy khu đầu mỗi trạm bơm			
	- Chiều dài cống	m	22,75	17,35
	- Khẩu độ cống nxBxH	m	1 cửa x (2x3)	2 cửa x (1,5 x 3)
	-Thiết bị vít nâng	Bộ	01	02
III	Hệ thống điện trạm bơm			
	Đường dây trung thế	m	300	1.500
	Máy biến áp	Máy	01 250KVA	01 400KVA
	Đường dây hạ thế từ trạm biến áp đến trạm bơm	HT	01	01
	Hệ thống điện và chống sét nhà trạm bơm	HT	01	01
IV	Cống tiêu tự chảy xả phèn		Cống xả phèn 1, tiêu tự chảy ra kênh Đường Gạo	Cống xả phèn 3, tiêu tự chảy ra kênh Phèn 3
	- Chiều dài cống	m	21,75	14
	- Khẩu độ cống nxBxH	m	1 cửa x (2x3)	2 cửa x (1,5 x

Stt	Thông số	ĐVT	Khu I	Khu II
				4,3)
	-Thiết bị vít nâng	Bộ	01	02

- Hệ thống công tròn phi 1.000mm ngang các tuyến đê bao khu I và khu II (07 vị trí), tổng chiều dài khoảng 168m.

- Về vị trí khai thác đất: cập nhật vị trí khai thác đất vật liệu tại Ô bao 39 (gồm 03 vị trí lấy đất với tổng diện tích 23,72ha), tọa lạc xã Phú Cường, huyện Tam Nông.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án (điều chỉnh): 251,161 tỷ đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn (điều chỉnh):

Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (*từ nguồn vốn phòng chống, khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn và ứng phó biến đổi khí hậu*), vốn ngân sách địa phương đối ứng và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2021-2025. Trong đó:

a) Giai đoạn 1 (năm 2018-2020): 193,844 tỷ đồng, gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (*vốn phòng chống, khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn và ứng phó biến đổi khí hậu*): 163,844 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách địa phương đối ứng: 30 tỷ đồng.

b) Giai đoạn 2 (năm 2021-2023): 57,317 tỷ đồng, gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2021-2025: 53 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách địa phương đối ứng: 4,317 tỷ đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

7. Thời gian thực hiện dự án (điều chỉnh): Năm 2018-2023.

8. Tiến độ thực hiện dự án (điều chỉnh):

a) Năm 2018-2022: Thi công các công trình Khu I và Khu II, gồm: Đê bao, kè bảo vệ, trạm bơm, cống tiêu, cống xả, nhà quản lý, hệ thống điện, kể cả thiết bị.

b) Năm 2023: Thực hiện đầu tư hoàn thành và quyết toán vốn đầu tư dự án.

9. Các nội dung khác:

a) Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân Tỉnh.

b) Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân Tỉnh.

c) Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa X, Kỳ họp đột xuất lần thứ hai thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ KH-ĐT;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH Tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, KT-NS.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng